TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và bà Nguyễn Lê Anh Thư

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 545/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Minh C, sinh năm 1995 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 63/7 đường Phạm Ngũ L, khu phố 5, phường P, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1996 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị Minh C trình bày:

Bà Hà Thị Minh C và ông Huỳnh Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, TP. P, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71 ngày 14/10/2019. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ bà. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do ông T thiếu trách nhiệm với vợ con, rượu chè và có nhắn tin qua lại với một người phụ nữ khác tại nơi làm việc. Tháng 6/2019, bà đã đuổi ông T về nhà cha mẹ ruột sống tại xã T.

Ông T có nhắn tin, gọi điện và năn nỉ bà để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Nhưng bà không còn tin tưởng ông T và muốn được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Hà Duy P, sinh ngày 13/11/2019, cháu P hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu được ly hôn bà xin nuôi cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2020, ngày 10/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Công T trình bày:

Ông và bà C chung sống với nhau được sự đồng ý của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống không có mâu thuẫn gì. Ông làm nghề tài xế, nhận chở hàng, trong một lần chở hàng cho công ty ông có tiếp xúc với một nhân viên nữ và có nhắn tin qua lại. Bà C phát hiện đã giận và đuổi ông ra khỏi nhà. Từ tháng 6/2020 vợ chồng không còn chung sống, ông về nhà cha mẹ ruột sống tại xã T, bà C và con thì sống tại phường P.

Từ lúc vợ chồng sống riêng, ông nhận biết lỗi và đã xin lỗi vợ, ông lên nhà cha vợ nói chuyện với vợ và cha vợ để hàn gắn tình cảm nhưng vợ ông và gia đình vợ không đồng ý. Để níu kéo tình cảm ông thường xuyên gọi điện, nhắn tin cho bà C để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà C vẫn không tha thứ và nộp đơn ly hôn.

Ông vẫn còn rất yêu thương vợ con, ông cũng đã biết lỗi và xin lỗi bà C để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà C yêu cầu ba mẹ ông lên nhà gặp bà để nói chuyện, ông về nói với gia đình nhưng ba mẹ ông không đồng ý lên vì đây là chuyện riêng của vợ chồng ông, ông với bà C phải tự giải quyết. Nếu vợ chồng ông ly hôn sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của con, ông không muốn con ông khi lớn lên thiếu tình cảm của cha.

Hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà C, ông không đồng ý ly hôn và tha thiết xin được quay về chung sống với bà C để cùng nuôi dạy con cái. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C để cho ông thêm thời gian hàn gắn tình cảm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, vợ chồng mâu thuẫn chưa trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Hà Thị Minh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn

ông Huỳnh Công T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã T, TP. P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Hà Thị Minh C và ông Huỳnh Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, TP. P, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71 ngày 14/10/2019, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, bị đơn ông T không đồng ý ly hôn.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà C, ông T có tuổi đời trẻ. Là vợ chồng nhưng mới chung sống với nhau một thời gian ngắn nên chưa đủ thời gian để hiểu nhau, vợ chồng chưa có sự thông cảm, chia sẻ với nhau và cùng nhau vượt qua khó khăn, trở ngại trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do ông T có nhắn tin với người phụ nữ khác, ngoài ra ông T cũng không quan tâm chăm sóc vợ con.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T thừa nhận những lỗi sai của ông nhưng ông trình bày đây chỉ là tình cảm nhất thời, bản thân ông rất yêu thương vợ con, ông đã nhiều lần đến gặp bà C và cha mẹ vợ để xin lỗi với mong muốn hàn gắn tình cảm. Ông T đã biết lỗi sai của bản thân, hứa sẽ thay đổi và tha thiết xin được hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Việc bà C yêu cầu bố mẹ ông T đến gặp bà C để nói chuyện thể hiện bà C cũng có ý muốn hàn gắn tình cảm. Ngoài những mâu thuẫn trên thì vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác.

Từ khi ở riêng thì ông T thường xuyên liên lạc qua điện thoại và đến nhà thăm con, để gặp bà C xin lỗi thể hiện sự mong muốn hàn gắn vợ chồng. Ông T có gửi tiền cho bà C nuôi con nhưng bà C không nhận.

Quá trình giải quyết vụ án ông T đều hợp tác và tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án thể hiện thiện chí của ông T trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa bà C không cung cấp được các chứng cứ nào khác về mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Thấy rằng cuộc sống vợ chồng của bà C và ông T chưa trầm trọng, mâu thuẫn mới phát sinh nên còn có khả năng hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng chưa vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Tại phiên tòa ông T tha thiết mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng và xin thêm thời gian hàn gắn tình cảm để cùng nuôi dạy con chung. Hôn nhân của bà C, ông T chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung còn có thể kéo dài, mục đích của hôn nhân còn đạt được nên yêu cầu xin ly hôn ông T của bà C là chưa thỏa mãn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

[2.3] Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Minh C.

2. Về án phí: Bà Hà Thị Minh C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Hà Thị Minh C đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0022930 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Hà Thị Minh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Vân